

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng mạnh gần 33 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,528.19 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông tăng hơn 6%, theo sau là ngành Bất động sản, Du lịch và Giải trí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 10 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX, tập trung vào cổ phiếu VIC. Tuy VN-Index có phiên tăng mạnh nhưng thanh khoản yếu, tiềm ẩn rủi ro gặp áp lực chốt lời. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể tiếp tục tăng theo quán tính về vùng đỉnh cũ 1,555 – 1,565; nếu không, chỉ số sẽ tiếp tục thu hẹp biên độ dao động để tạo đáy trong vùng 1,480 – 1,500.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 04/08/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+32.98** điểm, đóng cửa tại **1528.19** điểm. HNX-Index **+3.41** điểm, đóng cửa tại **268.34** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+6.82)**, **VHM (+2.22)**, **TCB (+2.09)**, **VCB (+1.75)**, **CTG (+1.71)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PNJ (-0.28)**, **GEE (-0.20)**, **BSR (-0.14)**, **FPT (-0.13)**, **HHS (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **30,933** tỷ đồng, giảm **-15.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 42,653 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 37.1 điểm. Thị trường có **242** mã tăng, 45 mã tham chiếu, **89** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-10117.46** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-9816.66 tỷ)**, **SSI (-394.39 tỷ)**, **VHM (-160.88 tỷ)**, **FPT (-109.38 tỷ)**, **HPG (-106.23 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **72.41** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.76%**. Các mã diễn biến tích cực:
TPB (+6.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSB (+4.44%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDB (+3.70%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.49%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+6.99%)
VJC (+6.97%)
VIC (+6.92%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.76%	1.49%	2.21%	2.42%
1 tuần	-3.75%	-2.54%	-1.88%	-2.50%
1 tháng	4.55%	11.35%	10.18%	11.05%
3 tháng	20.45%	25.96%	23.05%	25.28%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,528.19	268.34	107.16
% 1D	2.21%	1.29%	0.66%
GTKL (tỷ VND)	30,933	3,204	1,040
%1D	-15.46%	-15.90%	-10.27%
GDNN (tỷ VND)	-10117.46	72.41	-55.61

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	150.61	VIC	-9816.66
NVL	99.28	SSI	-394.39
VIX	87.08	VHM	-160.88
SHB	74.52	FPT	-109.38
VPB	70.99	HPG	-106.23

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

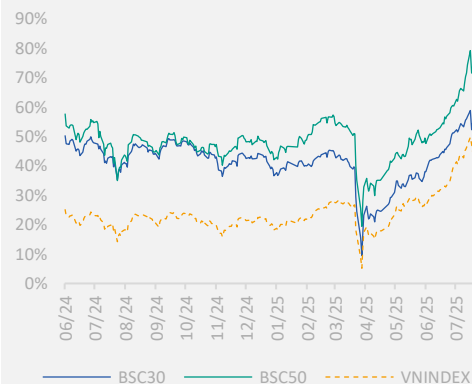
		%D	%W
SPX	6,238	-1.60%	-2.36%
FTSE100	9,106	0.41%	0.27%
Eurostoxx	5,225	0.95%	-2.03%
Shanghai	3,583	0.66%	-0.41%
Nikkei	40,291	-1.25%	-1.70%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.88	-1.13%
Giá vàng	3,361	0.38%
Tỷ giá		
USD/VND	26,370	-0.08%
EUR/VND	31,056	1.17%
JPY/VND	181	1.69%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	0.00%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	111.20	6.92%	6.82	3.88
VHM	92.20	2.56%	2.22	4.11
TCB	35.35	3.67%	2.09	7.06
VCB	61.10	1.50%	1.75	8.36
CTG	45.65	3.05%	1.71	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	23.60	9.77%	1.36	0.89
NVB	17.90	6.55%	0.91	1.17
KSV	167.50	2.07%	0.46	0.20
MBS	35.90	1.99%	0.27	0.57
IPA	21.60	4.35%	0.13	0.21

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FDC	16.05	7.00%	0.01	0.00
VNE	5.81	7.00%	0.01	2.53
ANV	24.50	6.99%	0.10	10.90
QCG	13.80	6.98%	0.06	1.94
VJC	127.30	6.97%	1.18	3.56

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BKC	54.00	9.98%	0.23	0.14
VMS	26.60	9.92%	0.09	1.35
SDN	26.90	9.80%	0.03	0.00
SHS	23.60	9.77%	7.55	58.53
KST	13.50	9.76%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNJ	86.50	-4.21%	-0.28	0.34
GEE	119.60	-1.97%	-0.20	0.37
BSR	20.50	-0.97%	-0.14	3.10
FPT	106.60	-0.37%	-0.13	1.48
HHS	17.90	-3.76%	-0.07	0.43

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	66.60	-3.76%	-0.50	0.30
HUT	17.70	-2.75%	-0.29	0.89
PVS	34.10	-1.16%	-0.12	0.48
PVI	62.20	-0.96%	-0.09	0.23
VIF	16.00	-2.44%	-0.09	0.35

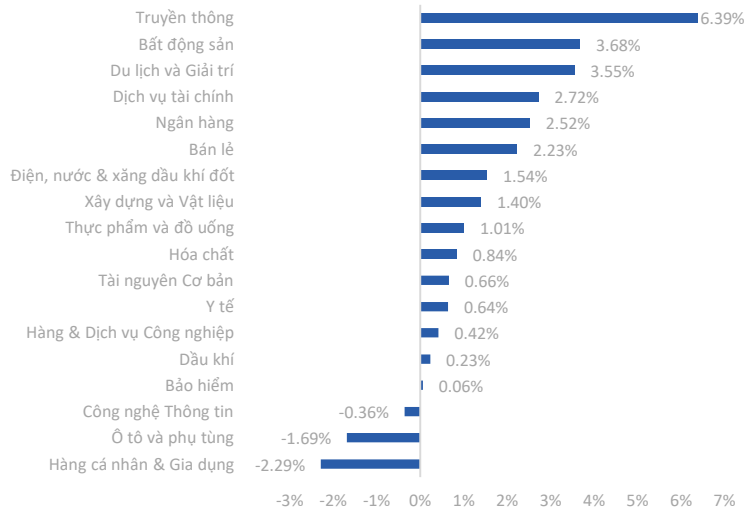
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVX	2.91	-6.13%	0.00	0.06
CIG	9.14	-4.99%	-0.01	0.20
C47	9.45	-4.55%	0.00	0.36
PNJ	86.50	-4.21%	-0.28	0.78
SC5	16.20	-4.14%	0.00	0.00

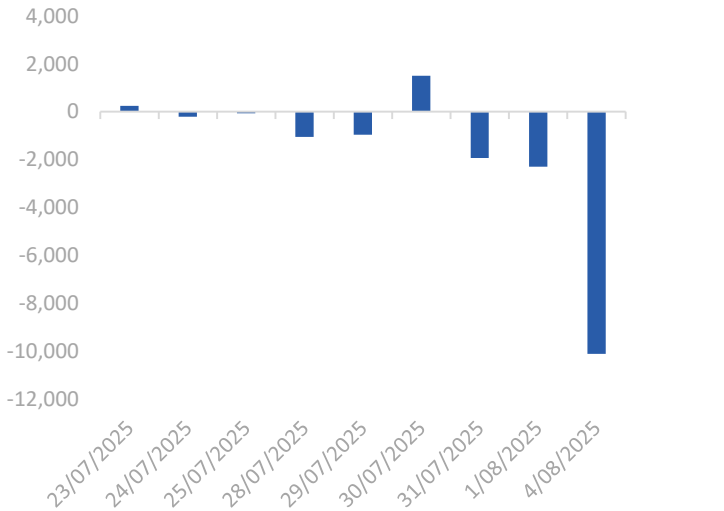
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
INC	21.60	-9.62%	-0.02	0.00
IDJ	7.00	-9.09%	-0.40	10.38
SDG	14.00	-9.09%	-0.05	0.00
KSD	6.30	-8.70%	-0.02	0.01
API	9.50	-8.65%	-0.25	3.49

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	67.0	2.8%	1.3	96,395	665.2	3,304	19.7		48.7%	
KBC	Bất động sản	31.6	0.2%	1.3	29,665	206.1	1,831	17.2		15.4%	
KDH	Bất động sản	27.9	0.7%	1.2	31,085	79.3	717	38.6		33.6%	
PDR	Bất động sản	19.2	2.7%	1.5	18,326	216.9	191	105.7	23,600	9.8%	Link
VHM	Bất động sản	92.2	2.6%	1.0	369,256	639.2	6,995	12.9	81,300	10.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	106.6	-0.4%	0.8	182,275	590.2	5,092	21.0	136,500	40.1%	Link
BSR	Dầu khí	20.5	-1.0%	0.0	64,180	290.2	(16)	(1,293)		0.4%	
PVS	Dầu khí	34.1	-1.2%	1.4	16,490	211.2	2,649	13.0	38,600	12.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.4	1.5%	1.5	28,079	315.8	1,163	22.4		38.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.0	2.4%	1.4	65,466	1871.6	1,577	21.1		41.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.7	0.5%	1.5	32,120	642.7	1,370	32.5		29.2%	
DCM	Hóa chất	36.4	1.7%	1.3	18,926	282.2	3,221	11.1	37,800	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	103.2	1.6%	1.4	38,585	249.6	8,205	12.4	109,300	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.3	1.3%	0.9	118,143	285.9	3,305	7.0	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.1	2.3%	1.0	261,195	168.9	3,683	10.1	47,000	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	45.7	3.1%	1.2	237,891	445.1	5,608	7.9	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	28.0	3.7%	1.2	94,367	624.5	4,094	6.6	26,400	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	27.8	2.4%	1.0	165,677	641.9	4,021	6.8	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	14.1	4.4%	1.1	35,100	297.8	1,961	6.9	14,000	28.5%	Link
STB	Ngân hàng	50.0	1.2%	1.1	93,130	504.9	6,148	8.0		20.0%	
TCB	Ngân hàng	35.4	3.7%	1.0	240,911	932.7	3,019	11.3	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.8	6.7%	1.1	41,479	949.9	2,423	6.5	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	61.1	1.5%	0.9	503,012	279.6	4,148	14.5	69,200	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	19.4	1.8%	1.0	64,676	224.1	2,219	8.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	26.4	2.3%	1.0	204,695	1044.7	2,193	11.8	26,500	25.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.3	0.6%	1.3	193,038	990.8	1,750	14.4	35,800	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.6	0.3%	1.4	11,488	97.1	751	24.6	16,800	9.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	34.5	0.9%	1.4	11,446	243.1	4,752	7.2	32,200	6.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.9	1.9%	1.2	104,829	440.1	1,862	38.9	82,500	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.4	0.7%	0.7	125,397	260.7	4,101	14.6	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.7	3.00%	1.4	9,512	70.3	2,216	19.6	26.2%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	154.2	-0.19%	0.9	26,312	63.5	3,163	48.9	33.3%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	50.0	0.00%	1.2	37,116	33.6	3,311	15.1	27.2%	10.6%	
DIG	Bất động sản	21.5	3.12%	1.5	13,478	359.0	183	113.7	5.0%	1.5%	
DXG	Bất động sản	20.0	1.52%	1.6	20,072	385.1	353	55.8	25.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.9	0.42%	1.3	6,376	234.0	482	74.2	5.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	26.5	1.34%	1.4	9,656	134.0	522	50.0	17.5%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	44.6	0.00%	1.3	14,718	79.4	4,574	9.8	18.8%	27.3%	
NLG	Bất động sản	41.8	3.86%	1.4	15,480	92.8	1,709	23.5	48.8%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	64.6	-0.31%	1.3	15,689	30.3	5,315	12.2	4.0%	28.6%	
SZC	Bất động sản	36.5	-0.27%	1.1	6,587	54.7	1,978	18.5	2.5%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	23.9	3.91%	1.5	15,369	152.3	1,125	20.4	12.2%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	111.2	6.92%	1.1	397,661	10248.3	3,580	29.1	6.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	29.1	2.28%	0.9	64,647	144.6	1,937	14.7	18.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.7	-0.75%	1.3	8,452	56.2	1,701	23.5	36.6%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.6	2.23%	1.0	45,487	95.3	1,596	22.4	16.7%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	21.1	-0.94%	1.2	11,840	145.9	1,428	14.9	4.1%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	41.2	0.73%	1.4	14,154	131.8	1,348	30.3	27.2%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.9	1.99%	1.7	20,162	211.3	1,554	22.7	6.3%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.0	0.59%	1.1	158,365	139.5	5,152	13.1	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.8	3.51%	1.3	33,372	195.5	624	22.8	3.3%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.8	1.98%	0.8	35,479	37.6	4,418	14.8	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	127.3	6.97%	0.9	70,402	435.0	3,427	34.7	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.6	1.25%	1.5	50,444	996.2	1,745	32.0	7.9%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.0	1.79%	1.1	23,531	88.5	3,765	14.9	39.3%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	80.2	0.00%	1.2	10,418	428.6	7,186	11.2	6.4%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	-1.09%	1.2	8,600	86.7	2,304	7.9	8.8%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	113.5	4.13%	0.0	13,274	60.6	3,339	32.6	5.4%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.5	-4.21%	1.2	30,513	67.1	6,129	14.7	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.5	0.00%	1.0	3,636	63.8	2,693	12.1	49.9%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.6	-0.96%	1.5	2,550	26.2	2,844	7.3	17.0%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	41.9	1.09%	1.1	16,221	250.6	1,663	24.9	8.4%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.9	0.67%	1.3	118,800	72.6	1,320	22.5	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	27.1	3.24%	1.2	48,803	419.7	1,783	14.7	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	34.7	0.58%	0.5	103,061	109.1	3,324	10.4	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.1	0.33%	0.0	25,821	28.0	2,260	6.7	2.0%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.4	5.12%	1.0	31,316	102.5	1,220	10.4	19.9%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.8	1.61%	1.4	6,937	192.1	666	23.3	6.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	24.5	6.99%	1.5	6,097	264.3	1,871	12.2	2.2%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.7	-1.61%	0.6	10,413	99.4	1,921	17.8	3.7%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.1	0.31%	0.7	61,499	42.2	3,185	15.1	59.0%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.2	4.49%	1.2	12,502	149.8	5,567	10.0	19.6%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.1	0.28%	0.8	11,518	5.4	13,894	10.1	85.8%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.2	-0.98%	1.4	8,317	59.5	4,512	18.2	47.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.3	2.56%	1.3	10,295	44.5	4,928	18.3	8.6%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.6	3.17%	1.5	4,455	106.1	2,501	17.7	4.4%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.0	1.56%	1.3	6,367	125.9	1,077	11.9	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.5	-0.72%	1.2	9,907	241.5	1,179	23.5	15.1%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.6	0.76%	1.3	17,067	283.9	1,241	21.3	9.8%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	57.6	2.31%	1.4	25,242	99.5	3,343	16.8	5.7%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>